



QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của thôn, xóm, bản, tổ dân phố

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/04/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 165/TTr-SNV ngày 14/8/2013 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, xóm, bản, tổ dân phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, xóm, bản, tổ dân phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2013 và thay thế Quyết định số 81/2006/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, xóm, bản, tổ dân phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện,

thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ TP; Báo cáo
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Tòa án ND tỉnh, Viện Kiểm sát ND tỉnh;
- Phòng Tin học – Công báo, VP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- TT các Huyện ủy; Thành ủy;
- TT HĐND các huyện, thành phố;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Như điều 3 (thi hành);
- Trưởng các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Châu Văn Lâm

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, xóm, bản, tổ dân phố
(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 20/8/2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, xóm, bản (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn.
2. Tổ dân phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là tổ dân phố.
3. Thôn, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Thôn, tổ dân phố chịu sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải tuân thủ pháp luật, dân chủ, công khai, minh bạch; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã và sự hướng dẫn, triển khai công tác của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.
2. Không chia tách các thôn, tổ dân phố đang hoạt động ổn định để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.
3. Khuyến khích việc sáp nhập thôn, tổ dân phố để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cấp xã và nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thôn, tổ dân phố.

4. Các thôn, tổ dân phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch dân dân, tái định cư hoặc điều chỉnh địa giới hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc do việc di dân đã hình thành các cụm dân cư mới ở vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa nơi có địa hình chia cắt, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, đòi hỏi phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thực hiện theo khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

5. Trường hợp không thành lập thôn mới, tổ dân phố mới theo quy định tại khoản 4 Điều này thì ghép các cụm dân cư hình thành mới vào thôn, tổ dân phố hiện có cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã và các hoạt động của thôn, tổ dân phố, của cụm dân cư.

6. Thôn, tổ dân phố cần đảm bảo phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp ở địa phương; đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; xây dựng, tổ chức thực hiện tốt quy ước thôn, tổ dân phố góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cơ sở.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn, 01 Phó Trưởng thôn và các tổ chức tự quản khác của thôn. Trường hợp thôn có trên 500 hộ gia đình thì có thể bố trí thêm 01 Phó Trưởng thôn.

2. Mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng, 01 Tổ phó tổ dân phố và các tổ chức tự quản khác của tổ dân phố. Trường hợp tổ dân phố có trên 600 hộ gia đình thì có thể bố trí thêm 01 Tổ phó tổ dân phố.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định những nội dung theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; bàn và quyết định trực tiếp việc thực hiện các công việc tự quản không trái với quy định của pháp luật trong việc xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, hiện đại, phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng, xóa đói, giảm nghèo; thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; những công việc do cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp trên triển khai đối với thôn, tổ dân phố; thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước; bảo đảm đoàn kết, dân chủ, công khai, minh bạch, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương; xây dựng, giữ vững và phát huy danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”; phòng chống các tệ nạn xã hội và xóa bỏ hủ tục lạc hậu.

2. Thực hiện dân chủ ở cơ sở; xây dựng và thực hiện quy chế, hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tích cực tham gia cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và các phong trào, các cuộc vận động do các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

3. Thực hiện sự lãnh đạo của chi bộ thôn, tổ dân phố hoặc Đảng ủy cấp xã hay chi bộ sinh hoạt ghép (*nơi chưa có chi bộ thôn, chi bộ tổ dân phố*), củng cố và duy trì hoạt động có hiệu quả của các tổ chức tự quản khác của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

5. Các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều này được thực hiện thông qua hội nghị của thôn, tổ dân phố.

Điều 6. Hội nghị thôn, tổ dân phố

1. Hội nghị thôn, tổ dân phố được tổ chức mỗi năm 2 lần (*thời gian vào giữa năm và cuối năm*); khi cần thiết có thể họp bất thường.

2. Thành phần và điều kiện tiến hành hội nghị

a) Chủ trì: Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố (*Trường hợp đặc biệt Ủy ban nhân dân cấp xã có thể triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố*);

b) Thành phần tham dự: Toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố và mời đại diện chi ủy, chi bộ;

c) Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

3. Nội dung hội nghị

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố (*trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố vắng thì Phó Trưởng thôn, Tổ Phó tổ dân phố*) tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung của hội nghị; giới thiệu người đề hội nghị biểu quyết cử làm thư ký; trình bày những nội dung cần đưa ra để hội nghị xem xét và những người tham gia hội nghị thảo luận;

b) Giải đáp các ý kiến, kiến nghị của người dân, hoặc tiếp thu đề báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết theo quy định của pháp luật;

c) Việc tổ chức đề nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 7. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới phải đảm bảo có đủ các điều kiện sau:

1. Quy mô số hộ gia đình: phải có từ 100 hộ gia đình trở lên đối với thôn; phải có từ 150 hộ gia đình trở lên đối với tổ dân phố;

Trường hợp thành lập phường, thị trấn từ xã thì chuyển các thôn hiện có của xã thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn. Việc chuyển thôn thành tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

2. Các điều kiện khác

a) Phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và ổn định cuộc sống của người dân.

b) Thôn phải bảo đảm diện tích đất ở và đất sản xuất bình quân của mỗi hộ gia đình ít nhất bằng mức bình quân chung của xã.

3. Trường hợp thôn, tổ dân phố thuộc quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy chế này thì điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới có thể thấp hơn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 8. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

1. Căn cứ nguyên tắc quy định tại Điều 3 và điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tại Điều 7 Quy chế này, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

a) Sự cần thiết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;

b) Tên gọi của thôn mới, tổ dân phố mới;

c) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn mới, tổ dân phố mới (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);

d) Dân số (*số hộ gia đình, số nhân khẩu*) của thôn mới, tổ dân phố mới;

đ) Diện tích tự nhiên của thôn mới, tổ dân phố mới (*đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất*), đơn vị tính là hecta;

e) Các điều kiện khác quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này;

g) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố

mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo Tờ trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này);

b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

6. Căn cứ vào hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

1. Đối với trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy chế này thì sau khi có quyết định về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có;

b) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn, tổ dân phố sau khi ghép (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);

c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố sau khi ghép;

d) Diện tích tự nhiên của thôn, tổ dân phố sau khi ghép (đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta;

đ) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư và thôn, tổ dân phố hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân

cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

Điều 10. Đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Nguyên tắc, thẩm quyền quyết định đổi tên thôn, tổ dân phố

1.1. Việc đổi tên thôn, tổ dân phố đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý chính quyền cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hóa - xã hội; giáo dục truyền thống lịch sử - văn hoá dân tộc, nâng cao tình yêu quê hương, đất nước, nâng cao tình đoàn kết giữa các cộng đồng dân cư.

1.2. Không đổi tên thôn, tổ dân phố đã có tên gọi quen thuộc, đã gắn bó với lịch sử, văn hóa của địa phương và đã ăn sâu vào tiềm thức, tình cảm của nhân dân qua nhiều thế hệ. Trường hợp thôn, tổ dân phố đã có tên mà xét thấy không có ý nghĩa lịch sử - văn hoá, không phù hợp với thuần phong mỹ tục địa phương, không thuận lợi cho các hoạt động giao dịch trong đời sống xã hội, gây ảnh hưởng, tác động xấu trong xã hội thì xem xét đề nghị đổi tên thôn, tổ dân phố.

1.3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương về việc đổi tên thôn, tổ dân phố. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đổi tên thôn, tổ dân phố sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Quy trình và hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố

Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án đổi tên thôn, tổ dân phố. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- a) Đặc điểm, thực trạng của thôn, tổ dân phố cần đổi tên;
- b) Sự cần thiết phải đổi tên thôn, tổ dân phố;
- c) Tên thôn cũ và dự kiến đổi tên thôn, tổ dân phố mới;
- d) Tỷ lệ cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình nhất trí với việc đổi tên thôn, tổ dân phố;
- đ) Đề xuất, kiến nghị.

Quy trình và hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 8 Quy chế này.

Điều 11. Chuyển thôn thành tổ dân phố

1. Việc chuyển thôn thành tổ dân phố được thực hiện sau khi có văn bản của cấp có thẩm quyền thành lập phường, thị trấn trên cơ sở từ một xã hoặc điều chỉnh địa giới hành chính xã hoặc một số xã.

2. Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến trước khi quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố.

Mục 2

TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm vụ:

a) Bảo đảm các hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quy chế này;

b) Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố;

c) Triển khai thực hiện những nội dung do cộng đồng dân cư của thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp; tổ chức nhân dân trong thôn, tổ dân phố thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những nhiệm vụ do cấp trên giao;

d) Vận động và tổ chức nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; tổ chức xây dựng và thực hiện quy chế, quy ước, hương ước của thôn, tổ dân phố không trái với quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố, tổ chức nhân dân tham gia thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư", phong trào "Dân vận khéo" và các phong trào, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động;

e) Tổ chức vận động nhân dân giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội; phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong thôn, tổ dân phố, không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân; báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, tổ dân phố;

g) Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn, tổ dân phố; lập biên bản về những vấn đề đã được nhân dân của thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp, bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

h) Phối hợp với Trường ban công tác Mặt trận và trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội trong cộng đồng dân cư; đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức tự quản (*nếu có*) của thôn, tổ dân phố như: Tổ dân vận, Tổ hòa giải, Tổ quần chúng bảo vệ an ninh và trật tự, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, Tổ bảo vệ sản xuất và các tổ chức tự quản khác theo quy định của pháp luật;

i) Hằng tháng báo cáo kết quả công tác với Ủy ban nhân dân cấp xã; sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo công tác trước hội nghị thôn, tổ dân phố.

2. Quyền hạn:

a) Được ký hợp đồng về dịch vụ phục vụ sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng và công trình phúc lợi công cộng do thôn, tổ dân phố đầu tư đã được Hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố giới thiệu Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố giúp việc; phân công nhiệm vụ và quy định quyền hạn giải quyết công việc của Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; được cấp trên mời dự họp về các vấn đề liên quan;

c) Thực hiện các nhiệm vụ do cấp trên giao và các nhiệm vụ khác tại cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ thôn, Chi bộ tổ dân phố hoặc Chi bộ ghép (*ở những nơi chưa có Chi bộ độc lập*). Trường hợp Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, ngoài việc thực hiện nhiệm vụ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Đảng.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; thay thế giải quyết công việc của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ nhân dân khi được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ủy quyền.

2. Ngoài ra đối với trường hợp Phó trưởng thôn kiêm Công an viên, Tổ phó tổ dân phố kiêm Công an viên có trách nhiệm triển khai thực hiện các chủ trương, biện pháp, kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở thôn, tổ dân phố; thực hiện các nhiệm vụ khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội do Trưởng Công an cấp xã giao.

Điều 14. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố phải là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố; đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

2. Riêng đối với Phó trưởng thôn kiêm công an viên, Tổ phó tổ dân phố kiêm Công an viên còn phải đảm bảo các tiêu chuẩn quy định của pháp luật về Công an xã.

Điều 15. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn và Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm kỳ là hai năm rưỡi. Trường hợp thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời hoạt động cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố bầu được Trưởng thôn mới, Tổ trưởng tổ dân phố mới trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

2. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố, thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 16. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; được hưởng phụ cấp hàng tháng, mức phụ cấp do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài ra đối với Phó trưởng thôn kiêm Công an viên, Tổ phó tổ dân phố kiêm Công an viên còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về Công an xã.

Điều 17. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Đề cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và giới thiệu Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố:

a) Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố giới thiệu Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố giúp việc (*sau khi có sự thống nhất với Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố*).

2. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Đối với những thôn, tổ dân phố do điều kiện đặc thù, khó khăn phức tạp không thể tổ chức bầu trực tiếp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố kết hợp tại hội nghị thôn thì tổ chức cuộc bầu cử riêng.

Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8, Điều 9 Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

4. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, đổi tên thôn, tổ dân phố sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; chỉ đạo việc thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ về Hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và Quy chế này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định ghép cụm dân cư và thôn, tổ dân phố hiện có sau khi đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua; chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ và Quy chế này; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời; quyết định công nhận Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; trực tiếp quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo Quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Sở Nội vụ thẩm định việc thành lập thôn, tổ dân phố mới; việc đổi tên thôn, tổ dân phố và chuyển thôn thành tổ dân phố trình chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ và Quy chế này trên địa bàn tỉnh; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 19. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan phản ánh bằng văn bản qua Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Châu Văn Lâm